TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2023/DS-ST
Ngày: 22-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;

2. Ông Hoàng Đình Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Võ Minh Mẫn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 524/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXX-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 63/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Mộng D, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Tổ C, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị L (D1), sinh năm 1974 và ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-6-2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Mộng D trình bày:* Tháng 10-2020 bà có đặt cọc cho bà L, ông Đ số tiền 20.000.000 đồng để thoả thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngang 3m thuộc thửa đất 353, tờ bản đồ 26 toạ lạc tại ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà L (D1) có viết giấy nhận tiền cọc với dòng chữ "*Tôi tên Lâm Thị L sinh năm 1974 tôi bán cho chị 4 Diệp 7m đất tôi nhận tiền cọc 20.000.000*", không ghi rõ ngày tháng năm, có chữ ký của bà L giao cho bà giữ bản chính. Khi nhận tiền cọc ông Đ không đi cùng bà L. Số tiền này bà L nhận để trang trải cuộc sống trong gia đình. Cho đến nay bà L, ông Đ không chuyển nhượng đất cũng không trả tiền đặt cọc cho bà mặc dù bà đã đòi trả lại tiền đặt cọc nhiều lần. Do bà L và ông Đ là vợ chồng chung sống với nhau, đang trong thời kỳ hôn nhân nên bà yêu cầu vợ chồng bà L, ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng cho bà.

Tháng 11-2022 bà L vay của bà số tiền 5.000.000 đồng để mua bán cá, không thoả thuận lãi suất, không có giấy biên nhận, hẹn 18 ngày bà L hốt hụi sẽ trả nhưng đến nay không trả. Tại biên bản hoà giải ngày 17-8-2023 và ngày 18-8-2023 bà xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 5.000.000 đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lâm Thị L (Dấm) đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc nhưng ông Đ, bà L vắng mặt không có lý do đồng thời không nộp văn bản trình bày ý kiến cho Toà án.*

Tại phiên toà, các đương sự vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 328, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Mộng D về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc", buộc bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Mộng D số tiền đặt cọc đã nhận 20.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Mộng D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với yêu cầu buộc bà Lâm Thị L (D1) và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền vay 5.000.000 đồng.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Bà Đoàn Mộng D khởi kiện bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Văn Đ cùng cư trú tại xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả tiền nợ vay và tiền đặt cọc. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng đặt cọc*" theo quy định tại Điều 328, 463 của Bộ luật Dân sự và Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Đoàn Mộng D có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Văn Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lâm Thị L (D1) và ông Nguyễn Văn Đ đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật.

- Xét yêu cầu khởi kiện của bà D về việc buộc bà L (D1) và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Đoàn Mộng D cung cấp bản chính biên nhận do bà L với nội dung "*Tôi tên Lâm Thị L SN 1974 tôi hứa bán cho chị 4 Diệp 7m đất, tôi nhận tiền cọc 20.000.000*" và có chữ ký xác nhận của bà L (BL 38) đồng thời bà D có cung cấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DA125198, số vào sổ cấp GCN: CS06429 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Lâm Thị L, ông Nguyễn Văn Đ đứng tên chủ sử dụng thửa đất 353, tờ bản đồ 26 toạ lạc ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên có cơ sở xác định bà L đã nhận của bà D số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng. Tuy nhiên giấy biên nhận không ghi rõ thời gian, nội dung không thoả thuận rõ việc đặt cọc để nhận chuyển nhượng cụ thể phần đất nào. Đến nay bà L không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà D nên bà D yêu cầu trả lại số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về nghĩa vụ liên đới: Qua xác minh tại địa phương thể hiện bà L có vay tiền của nhiều người để làm ăn, buôn bán, phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình; mặt khác việc bà L nhận tiền cọc của bà D phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà

L, ông Đ nên ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trả lại tiền đặt cọc cho bà D là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về việc buộc bà L (D1) và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng.

- Đối với khoản vay 5.000.000 đồng: Bà D trình bày vào tháng 11-2022 bà L vay của bà số tiền 5.000.000 đồng để mua bán cá, không thoả thuận lãi suất, không có giấy biên nhận nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà D chưa xuất trình được chứng cứ chứng minh thể hiện bà L có vay tiền của bà D. Ngày 18-8-2023 bà D làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà L và ông Đ trả số tiền vay 5.000.000 đồng. Việc rút đơn này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện này của bà D theo quy định tại Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà D có quyền khởi kiện lại bà L, ông Đ đối với khoản vay 5.000.000 đồng theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện.

+ Bà L và ông Đ có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 217, 218, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Mộng D về việc "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*" đối với bà Lâm Thị L (D1) và ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc bà Lâm Thị L (D1) và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Mộng D số tiền đặt cọc 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Mộng D về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", đối với yêu cầu buộc bà Lâm Thị L (D1) và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Bà Đoàn Mộng D có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lâm Thị L (Dấm) và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng án phí.

+ Bà Đoàn Mộng D được nhận lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện bà đã nộp số tiền 625.000 (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0018849 ngày 07-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên